

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:102/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 23 – 10 – 2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2019/QĐST – HNGĐ ngày 23/9/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số X/B, khóm A, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số Y, khóm A, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2019, bản tự khai ngày 18/02/2019 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Út L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MT ngày 16/01/2014. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng. Sau khi kết hôn, bà và ông S sinh sống tại địa chỉ số X/B, khóm A, phường MT đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông S không quan tâm đến kinh tế gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, không tôn trọng vợ và cha mẹ vợ. Bà nhiều lần góp ý để ông S sửa đổi nhưng không thành và vợ chồng bà ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Do hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà L trình bày không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày, bà và ông S không có tài sản chung, nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Nguyễn Văn S vắng mặt lần thứ hai và bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L vì hôn nhân giữa bà và ông S không còn mang lại hạnh phúc.

Do ông S không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Út L và ông Nguyễn Văn S là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, ông Nguyễn Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số Y, khóm A, phường MT, thành phố LX và có đi về thường xuyên tại địa chỉ này. Thời gian qua, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết các thông báo, quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như quyết định hoãn phiên tòa cho ông S theo quy định tại các Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông S vắng mặt lần thứ hai không lý do. Bà L có đơn đề ngày 23/9/2019 về việc đề nghị vắng mặt khi Tòa án xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Út L và ông Nguyễn Văn S tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường MT, thành phố LX cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 08, ngày 16/01/2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà L cho rằng quá trình chung sống, ông S không quan tâm kinh tế gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt và chửi mắng gia đình bên vợ. Phía ông S được Tòa án nhiều lần tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Cụ thể như bà Nguyễn Thị Phụng là mẹ ruột của ông S, cùng nơi cư trú với ông S nhận thay thông báo thụ lý vụ án và cam kết giao lại tận tay cho ông S. Tuy nhiên, ông S vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà L và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo thêm thời gian dài để bà L và ông S có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà L vẫn cương quyết yêu cầu

ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà L dành cho ông S không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông S không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn ông S.

[6] Về con chung: Không có.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông S về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] **Về án phí:** Bà L phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà L đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002674 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út L được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- **Về con chung:** Không có.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà L đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn

đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002674 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà L và ông S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND p. MT;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh

